

Số: 34/2023/CV – SD5

(V/v: Công bố thông tin
BCTC kiểm toán 6 tháng đầu
năm 2023)

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2023

Kính gửi:

**Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
Ủy ban chứng khoán nhà nước**

Thực hiện quy định tại Khoản 3, Khoản 4, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công ty Cổ phần Sông Đà 5 thực hiện công bố thông tin BCTC kiểm toán 6 tháng đầu năm 2023 với SGDCK Hà Nội như sau:

1. BCTC kiểm toán 6 tháng đầu năm 2023

- BCTC kiểm toán 6 tháng đầu năm 2023 theo quy định tại Khoản 3, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng);

- Các văn bản giải trình phải công bố thông tin cùng với BCTC theo quy định tại Khoản 4, Điều 14, Thông tư số 96/2020/TT-BTC gồm:

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận thay đổi 10% so với cùng kỳ năm trước:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này và ngược lại?

Có

Không

Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế trong kỳ lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

2. Các giao dịch mua lại doanh nghiệp, bán tài sản: (các giao dịch này làm thay đổi hoặc có giá trị đạt tỷ lệ từ 35% tổng tài sản trở lên trong thời gian từ tháng 01/2021 đến thời điểm này nếu có): Không có

- Nội dung giao dịch:

- Đối tác giao dịch:

- Tỷ lệ giao dịch (giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của DN căn cứ trên BCTC năm gần nhất):

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Tài liệu kèm theo:

- BCTC kiểm toán 6 tháng đầu 2023.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu TCKT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Trọng Thủy

Số: 35/SĐ5-TCKT

V/v: Giải trình chênh lệch lợi nhuận
BCTC kiểm toán 6 tháng đầu năm 2023
giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022

Hà Nội, ngày 16 tháng 08 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 của Quốc Hội nước CHXHCN Việt Nam;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Sông Đà 5;
- Báo cáo tài chính kiểm toán 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty cổ phần Sông Đà 5.

Công ty cổ phần Sông Đà 5 giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế BCTC kiểm toán 6 tháng đầu năm 2023 giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm 2022 như sau:

DVT: tỷ đồng

Lợi nhuận	Năm 2023	Năm 2022	Biến động
Lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm	11,59	13,05	- 11,14%

Nguyên nhân:

- Doanh thu hoạt động khác 6 tháng đầu năm 2023 (298,80 triệu đồng) giảm 2.381,90 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022 (2.680,70 triệu đồng), chi phí hoạt động tài chính 6 tháng đầu năm 2023 (34,33 triệu đồng) giảm 558,22 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2022 (592,55 triệu đồng).

Đây là nguyên nhân chính làm lợi nhuận sau thuế báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 giảm 11,14% so với cùng kỳ năm 2022.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HCNS, TCKT.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nguyễn Trọng Thủy

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023	12 - 36



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100886857, đăng ký lần đầu ngày 07 tháng 01 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã 20 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 20 ngày 17 tháng 7 năm 2020 về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh.

Trụ sở hoạt động

- Địa chỉ : Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 024.222 555 86
- Fax : 024.222 555 58

Hoạt động kinh doanh của Công ty là: Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; xây dựng, lắp đặt và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt; thi công bằng phương pháp khoan, nổ mìn; xây dựng công trình đường bộ; khai thác, sản xuất, kinh doanh điện; kinh doanh vật liệu, vật tư xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng xe máy, thiết bị phụ tùng xây dựng; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh và kinh doanh bất động sản, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/thôi giữ chức vụ</u>
Ông Lê Văn Tuấn	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Trần Anh Đức	Chủ tịch	Thôi giữ chức vụ ngày 28 tháng 6 năm 2023
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên độc lập	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Đắc Điệp	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Ngọc Đông	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Vũ Đức Quang	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020

Ban Kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm</u>
Ông Phạm Quang Tuấn	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 22 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Quang Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 5 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Điều hành

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm</u>
Ông Nguyễn Đắc Điệp	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2019
Ông Nguyễn Mạnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2019
Ông Nguyễn Ngọc Đông	Phó Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2021
Ông Nguyễn Trọng Thùy	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2019

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Đắc Điệp – Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2019).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,
Tổng Giám đốc



Nguyễn Đắc Điệp

Ngày 14 tháng 8 năm 2023

Số: 2.0514/23/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 14 tháng 8 năm 2023, từ trang 05 đến trang 36, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**Chi nhánh Hà Nội****Nguyễn Thị Tư – Thành viên Ban Giám đốc**

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0059-2023-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.498.684.569.234	1.448.223.754.623
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	125.793.768.623	166.969.343.671
1. Tiền	111		125.793.768.623	166.969.343.671
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		764.337.460.702	744.155.084.923
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	611.237.232.498	627.320.077.755
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	154.144.814.654	117.973.920.739
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4a	8.472.147.218	9.105.428.418
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.5	(9.516.733.668)	(10.244.341.989)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		543.983.428.720	472.129.986.896
1. Hàng tồn kho	141	V.6	543.983.428.720	472.129.986.896
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		64.569.911.189	64.969.339.133
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	3.185.365.553	5.517.398.742
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		47.621.256.358	50.929.526.956
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	13.763.289.278	8.522.413.435
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		317.124.938.020	314.311.972.797
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		189.780.478.736	163.824.557.164
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	185.672.748.436	159.916.076.864
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4b	4.107.730.300	3.908.480.300
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		85.928.900.373	98.276.862.222
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	33.013.130.351	37.882.652.055
<i>Nguyên giá</i>	222		1.097.408.384.725	1.091.274.122.066
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(1.064.395.254.374)	(1.053.391.470.011)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	52.915.770.022	60.394.210.167
<i>Nguyên giá</i>	225		74.617.785.157	78.111.281.521
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(21.702.015.135)	(17.717.071.354)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		3.165.913.000	3.165.913.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.165.913.000)	(3.165.913.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		785.852.379	6.010.716.036
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		785.852.379	6.010.716.036
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		40.629.706.532	46.199.837.375
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	40.629.706.532	46.199.837.375
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.815.809.507.254	1.762.535.727.420

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.347.426.552.434	1.288.310.492.408
I. Nợ ngắn hạn	310		1.225.985.340.130	1.159.994.886.781
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	96.662.965.074	165.097.078.561
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	370.620.777.115	477.008.737.453
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	266.905.718	-
4. Phải trả người lao động	314		14.081.769.829	31.194.167.522
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	348.961.697.293	127.754.466.838
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.15	10.651.564.633	9.898.586.770
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	32.362.345.780	32.406.447.051
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	346.135.208.047	311.447.458.131
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	6.242.106.641	5.187.944.455
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		121.441.212.304	128.315.605.627
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	82.546.852.082	76.752.946.274
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.15	21.362.963.543	26.453.236.914
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	17.531.396.679	25.109.422.439
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		468.382.954.820	474.225.235.012
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	468.382.954.820	474.225.235.012
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		259.998.480.000	259.998.480.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		259.998.480.000	259.998.480.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		43.131.990.000	43.131.990.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		143.060.589.849	143.060.589.849
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		10.595.454.177	10.595.454.177
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		11.596.440.794	17.438.720.986
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	17.438.720.986
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		11.596.440.794	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.815.809.507.254	1.762.535.727.420

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu



Trần Thị Bích Sen

Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đắc Điệp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.123.936.443.908	757.212.938.824
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.123.936.443.908	757.212.938.824
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.077.645.887.216	709.079.975.557
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		46.290.556.692	48.132.963.267
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	49.657.482.837	12.411.944.613
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	64.900.630.602	29.044.606.479
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.870.148.059	14.071.740.665
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	15.019.172.929	16.242.288.467
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.028.235.998	15.258.012.934
11. Thu nhập khác	31	VI.6	298.806.421	2.680.701.589
12. Chi phí khác	32	VI.7	34.332.475	592.551.836
13. Lợi nhuận khác	40		264.473.946	2.088.149.753
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.292.709.944	17.346.162.687
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	4.696.269.150	4.295.202.471
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>11.596.440.794</u>	<u>13.050.960.216</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	<u>446</u>	<u>502</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	<u>446</u>	<u>502</u>

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2023

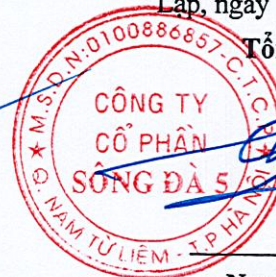
Người lập biểu

Trần Thị Bích Sen

Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đắc Điệp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		16.292.709.944	17.346.162.687
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9,10	14.988.728.144	15.570.042.972
- Các khoản dự phòng	03	VI.5	(727.608.321)	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.5	363.205.663	(902.157.193)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(156.155.133)	(2.121.503.704)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	13.870.148.059	14.071.740.665
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		44.631.028.356	43.964.285.427
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(46.133.743.843)	(64.642.817.244)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(71.853.441.824)	(204.526.236.056)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		40.205.973.105	113.143.673.801
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		7.902.164.032	(1.586.981.536)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(13.918.482.203)	(14.059.915.636)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(3.484.297.562)	(6.460.055.578)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(784.650.000)	(1.210.807.473)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(43.435.449.939)	(135.378.854.295)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.090.255.038)	(1.430.087.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.121.503.704
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(4.054.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.054.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		156.155.133	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.934.099.905)	691.415.886

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.17	596.792.418.198	687.575.982.863
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(562.081.199.794)	(503.657.328.054)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.17	(8.965.504.020)	(8.060.457.240)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(19.477.712.291)	(12.986.573.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.268.002.093	162.871.624.344
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(39.101.547.751)	28.184.185.935
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	166.969.343.671	18.903.042.711
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2.074.027.297)	(1.993.073.604)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	125.793.768.623	45.094.155.042

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Bích Sen

Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đắc Điệp

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 5 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là xây dựng công trình, sản xuất kinh doanh vật tư.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Xây dựng nhà các loại; xây dựng công trình công nghiệp; xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước; xây dựng, lắp đặt và vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt; thi công bằng phương pháp khoan, nổ mìn; xây dựng công trình đường bộ; khai thác, sản xuất, kinh doanh điện; kinh doanh vật liệu, vật tư xây dựng, cấu kiện bê tông, cấu kiện kim loại, phụ tùng xe máy, thiết bị phụ tùng xây dựng; xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh và kinh doanh bất động sản, hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Ảnh hưởng xung đột Nga - Ukraine đã gây ra những hệ lụy nghiêm trọng cả trong ngắn và dài hạn, đe dọa thiếu hụt, đứt gãy các chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng của Việt Nam. Xung đột khiến cho tình trạng lạm phát ở cả Mỹ, châu Âu và Việt Nam leo thang, giá hàng hóa thiết yếu liên tục tăng, đặc biệt là sự biến động rất mạnh của giá dầu và chi phí nhiều mặt hàng vật liệu xây dựng tăng lên, dẫn tới biến động của chi phí trong kỳ của Công ty.
- Trong 6 tháng đầu năm, các nguyên nhân chính đã làm ảnh hưởng đến doanh thu và kết quả kinh doanh trong kỳ của Công ty.

+ Công ty ký thêm phụ lục hợp đồng khối lượng phát sinh các gói Hành chính, Đông lỗ 2 và triển khai gói Đông Lỗ 3 nên giá trị nghiệm thu của Công trình Hòa Phát Dung Quất tăng lên 129.117.555.051 VND so với cùng kỳ năm trước.

+ Công trình Thủy điện Nậm Phak – Lào (giá trị hợp đồng tạm tính 179.999.000 USD) đã đi vào thực hiện những hạng mục chính và giá trị nghiệm thu trong kỳ là 497.888.153.912 VND (cùng kỳ năm trước chưa phát sinh doanh thu).

+ Công trình Thủy điện Nậm EMoun – Lào đang ở giai đoạn kết thúc thi công và chỉ còn nghiệm thu những gói hoàn thiện nhỏ, giá trị nghiệm thu trong kỳ giảm 342.818.606.883 VND so với cùng kỳ năm trước.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 899 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 852 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ: tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Riêng công nợ với bên liên quan, dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định, chi phí lán trại và chi phí thuê văn phòng. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 3 năm.

Chi phí thuê văn phòng

Chi phí thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí lán trại

Chi phí lán trại được phân bổ vào chi phí theo thời gian hoặc sản lượng tùy theo quy định đầu thu của từng dự án.

Chi phí chuẩn bị ban đầu công trình

Chi phí chuẩn bị ban đầu công trình bao gồm chi phí sửa chữa trạm nghiên, cầu trục tháp, chi phí lán trại, công trình phụ trợ được phân bổ vào chi phí theo thời gian hoặc sản lượng tùy theo quy định đầu thu của từng dự án.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được trích khấu hao như tài sản cố định thuộc sở hữu của Công ty theo phương pháp đường thẳng và được áp dụng khấu hao nhanh không quá 2 lần đối với máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Trường hợp ngay tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản, Công ty cam kết không mua lại tài sản thuê trong hợp đồng thuê tài chính thì tài sản được trích khấu hao theo thời hạn thuê trong hợp đồng.

Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 06

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Nhãn hiệu

Nhãn hiệu bao gồm các chi phí liên quan đến việc mua quyền sử dụng thương hiệu “Sông Đà” và sử dụng nhãn chứng chỉ ISO 9001. Nhãn hiệu được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy: Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	4.207.293.346	2.492.789.236
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	83.455.291.721	164.476.554.435
Tiền đang chuyển	38.131.183.556	-
Cộng	<u>125.793.768.623</u>	<u>166.969.343.671</u>

2. Phải thu khách hàng**2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	68.848.669.962	57.037.476.883
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	47.712.698.105	47.712.698.105
Cơ quan Tổng công ty Sông Đà	5.705.397.562	5.705.397.562
Ban Điều hành dự án Thủy điện Sơn La ⁽¹⁾	15.729.500.872	15.729.500.872
Ban Điều hành dự án Thủy điện Hòa Na	5.781.093.277	5.781.093.277
Ban Điều hành dự án Thủy điện Lai Châu ⁽¹⁾	19.854.959.975	19.854.959.975
Ban Điều hành Thủy điện Xekaman 3	641.746.419	641.746.419
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	20.999.779.757	9.188.586.678
Công ty Cổ phần Sông Đà 6 - Chi nhánh Sông Đà 6.04	136.192.100	136.192.100
Phải thu các khách hàng khác	542.388.562.536	570.282.600.872
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	206.233.645.080	250.371.932.912
Tổng Công ty Cổ phần Thương mại Xây dựng	118.777.128.485	118.777.128.485
Công ty TNHH Điện lực Nam Phak	136.268.320.105	65.319.865.316
Các khách hàng khác	81.109.468.866	135.813.674.159
Cộng	<u>611.237.232.498</u>	<u>627.320.077.755</u>

Trong đó, quyền phải thu từ dự án thủy điện Lai Châu và Nậm Chiến 1 có giá trị ghi sổ lần lượt là 19.854.959.975 VND và 13.901.608.361 VND (tại ngày 31/12/2022 là 19.854.959.975 VND và 13.901.608.361 VND) được dùng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH năng lượng Chaleun Sekong	151.197.187.116	149.906.361.745
Công ty TNHH Điện lực Nam Phak	34.475.561.320	10.009.715.119
Cộng	<u>185.672.748.436</u>	<u>159.916.076.864</u>

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho các bên liên quan	26.075.785.703	31.010.173.731
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	24.128.145.324	30.947.156.684
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	1.546.934.797	63.017.047
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	400.705.582	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>128.069.028.951</i>	<i>86.963.747.008</i>
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	52.631.534.118	59.200.879.649
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Thương mại Anh Phát	12.385.500.000	-
Công ty Cổ phần Lilama 10	27.004.041.457	-
Các khách hàng khác	36.047.953.376	27.762.867.359
Cộng	154.144.814.654	117.973.920.739

4. Phải thu khác**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>2.343.689.604</i>	-	<i>1.316.075.506</i>	-
Tổng công ty Sông Đà	1.316.075.506	-	1.316.075.506	-
Công ty Cổ phần Tư Vấn Sông Đà	134.727.628	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	844.291.819	-	-	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	48.594.651	-	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.128.457.614</i>	-	<i>7.789.352.912</i>	-
Tạm ứng	2.131.531.537	-	3.225.337.315	-
Phải thu tiền chi hộ thầu phụ	1.801.624.104	-	1.520.766.104	-
Ký cược, ký quỹ	126.811.500	-	421.799.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.068.490.473	-	2.621.450.493	-
Cộng	8.472.147.218	-	9.105.428.418	-

4b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi công nợ quá hạn trên 03 năm được trích lập dự phòng 100%.

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Các bên liên quan</i>	<i>641.746.419</i>	<i>(641.746.419)</i>	<i>641.746.419</i>	<i>641.746.419</i>
Ban Điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 3	641.746.419	(641.746.419)	641.746.419	(641.746.419)
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>8.874.987.249</i>	<i>(8.874.987.249)</i>	<i>9.602.595.570</i>	<i>(9.602.595.570)</i>
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)
Công ty Cổ phần Xây lắp và Cơ giới số 9	2.619.625.842	(2.619.625.842)	2.619.625.842	(2.619.625.842)
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Hồng Long	954.387.811	(954.387.811)	954.387.811	(954.387.811)
Công ty Cổ phần Cavico Điện lực & Tài nguyên	826.751.604	(826.751.604)	826.751.604	(826.751.604)
Các đối tượng khác	1.474.221.992	(1.474.221.992)	2.201.830.313	(2.201.830.313)
Cộng	9.516.733.668	(9.516.733.668)	10.244.341.989	(10.244.341.989)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	10.244.341.989	19.594.036.097
Hoàn nhập dự phòng	(727.608.321)	-
Số cuối kỳ	<u>9.516.733.668</u>	<u>19.594.036.097</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	1.269.169.388		606.921.991	
Nguyên liệu, vật liệu	65.532.074.442	-	61.036.795.791	-
<i>Nguyên vật liệu chính</i>	23.113.540.340	-	25.974.315.543	-
<i>Phụ tùng thay thế</i>	25.790.356.857	-	21.086.670.524	-
<i>Vật liệu khác</i>	16.628.177.245	-	13.975.809.724	-
Công cụ, dụng cụ	7.807.097.290	-	9.274.205.760	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	469.375.087.600	-	401.212.063.354	-
<i>Công trình Hòa Phát</i>	220.959.498.907	-	249.053.725.422	-
<i>Công trình Nậm E Moun</i>	48.060.782.782	-	54.666.315.672	-
<i>Công trình Nậm Phak</i>	155.775.704.300	-	61.915.616.092	-
<i>Các công trình khác</i>	44.579.101.611	-	35.576.406.168	-
Cộng	<u>543.983.428.720</u>	<u>-</u>	<u>472.129.986.896</u>	<u>-</u>

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	2.934.309.727	4.685.524.336
Chi phí lán trại	202.572.487	753.091.071
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	48.483.339	78.783.335
Cộng	<u>3.185.365.553</u>	<u>5.517.398.742</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	3.659.462.102	4.349.364.770
Chi phí thuê văn phòng (*)	24.605.738.852	24.945.128.354
Chi phí lán trại	906.372.217	2.059.934.576
Chi phí sửa chữa, lắp đặt	9.473.034.652	12.651.727.502
Chi phí vận chuyển máy móc	445.420.356	1.441.768.342
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.539.678.353	751.913.831
Cộng	<u>40.629.706.532</u>	<u>46.199.837.375</u>

(*) Chi phí thuê văn phòng sàn tầng 4, tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, khu đô thị Sông Đà Mỹ Đình, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội, Việt Nam đã được thế chấp, cầm cố tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sóng Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	9.784.042.500	1.017.494.309.918	59.897.933.283	4.097.836.365	1.091.274.122.066
Mua trong kỳ	-	750.818.182	453.877.818	59.090.909	1.263.786.909
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	3.618.293.932	1.252.181.818	-	4.870.475.750
Phân loại lại	-	249.000.000	-	(249.000.000)	-
Số cuối kỳ	9.784.042.500	1.022.112.422.032	61.603.992.919	3.907.927.274	1.097.408.384.725
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9.784.042.500	942.717.517.015	39.733.087.414	3.663.018.183	995.897.665.112
Chờ thanh lý	-	31.341.300.260	2.170.161.365	210.440.000	33.721.901.625
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	9.784.042.500	987.095.384.248	52.779.075.953	3.732.967.310	1.053.391.470.011
Khấu hao trong kỳ	-	5.473.460.896	1.523.533.560	44.295.117	7.041.289.573
Mua lại tài sản thuê tài chính	-	2.746.996.794	1.215.497.996	-	3.962.494.790
Phân loại lại	-	42.437.097	-	(42.437.097)	-
Số cuối kỳ	9.784.042.500	995.358.279.035	55.518.107.509	3.734.825.330	1.064.395.254.374
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	-	30.398.925.670	7.118.857.330	364.869.055	37.882.652.055
Số cuối kỳ	-	26.754.142.997	6.085.885.410	173.101.944	33.013.130.351
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 15.619.831.306 VND đã được thế chấp, cầm cố tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**9. Tài sản cố định thuê tài chính**

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	65.465.292.997	12.645.988.524	78.111.281.521
Thuê tài chính trong kỳ	-	1.366.303.636	1.366.303.636
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(3.614.318.182)	(1.245.481.818)	(4.859.800.000)
Số cuối kỳ	61.850.974.815	12.766.810.342	74.617.785.157
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	15.773.852.802	1.943.218.552	17.717.071.354
Khấu hao trong kỳ	6.437.530.151	1.509.908.420	7.947.438.571
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(2.746.996.794)	(1.215.497.996)	(3.962.494.790)
Số cuối kỳ	19.464.386.159	2.237.628.976	21.702.015.135
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	49.691.440.195	10.702.769.972	60.394.210.167
Số cuối kỳ	42.386.588.656	10.529.181.366	52.915.770.022

10. Tài sản cố định vô hình

Là Nhân hiệu và Chương trình phần mềm đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

11. Phải trả người bán**11a. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	8.551.072.910	7.336.940.540
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	655.717.750	429.850.112
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	201.580.858	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	2.409.533.985	2.409.533.985
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.488.626.140	235.683.494
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	2.795.614.177	3.416.677.746
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	-	845.195.203
Phải trả các nhà cung cấp khác	88.111.892.164	157.760.138.021
Công ty Cổ phần Xăng dầu Thụy Dương	11.614.348.470	17.067.410.400
Công ty TNHH Máy & Thiết bị Khai thác mỏ Hà Nội	2.953.658.621	11.478.181.043
Các nhà cung cấp khác	73.543.885.073	129.214.546.578
Cộng	96.662.965.074	165.097.078.561

11b. Phải trả người bán dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	59.967.685.543	57.746.465.543
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	59.967.685.543	55.336.931.558
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	-	2.409.533.985
Phải trả các nhà cung cấp khác	22.579.166.539	19.006.480.731
Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP	18.165.968.467	18.165.968.467
Các khách hàng khác	4.413.198.072	840.512.264
Cộng	82.546.852.082	76.752.946.274

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ban quản lý Đầu tư và Xây dựng Thủy lợi 7	23.661.289.000	56.451.289.000
Công ty TNHH Điện lực Nam Phak	314.522.389.430	382.768.854.709
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	31.627.298.685	37.031.101.244
Các khách hàng khác	809.800.000	757.492.500
Cộng	370.620.777.115	477.008.737.453

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa (*)	-	4.307.467.694	-	(6.452.847.431)	-	10.760.315.125
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	611.879.642	(611.879.642)	-	-
Thuế nhập khẩu	-	-	16.683.530	(16.683.530)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (**)	-	4.214.945.741	4.696.269.150	(3.484.297.562)	-	3.002.974.153
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	1.431.842.578	(1.164.936.860)	266.905.718	-
Lệ phí môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	-8.522.413.435	6.759.674.900	6.759.674.900	(11.733.645.025)	266.905.718	13.763.289.278

(*) Thuế giá trị gia tăng hoạt động xây dựng thực hiện tại các tỉnh khác với trụ sở chính phải nộp theo tỷ lệ 1% trên doanh thu chưa có thuế giá trị gia tăng. Số thuế giá trị gia tăng đã nộp tại tỉnh nơi có công trình xây dựng sẽ được bù trừ với số thuế giá trị gia tăng phải nộp tại trụ sở chính.

(**) Số thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ bao gồm:

Nộp tại Lào	:	3.484.297.562
Nộp tại Việt Nam	:	-

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau

- Dịch vụ, hàng hóa xuất khẩu	0%
- Dịch vụ, hàng hóa trong nước	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.292.709.944	17.346.162.687
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	7.188.635.807	4.129.849.669
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.188.635.807	4.129.849.669
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	23.481.345.751	21.476.012.356
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.696.269.150	4.295.202.471

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

14. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	333.067.364	381.401.508
Trích trước chi phí công trình	348.628.629.929	127.373.065.330
Cộng	348.961.697.293	127.754.466.838

15. Doanh thu chưa thực hiện

Là doanh thu nhận trước của Công trình Nam Phak.

16. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	11.413.773.083	1.148.434.438
Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát	1.404.765.083	1.148.434.438
Tổng công ty Sông Đà - CTCP – Cổ tức phải trả	10.009.008.000	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	20.948.572.697	31.258.012.613
Kinh phí công đoàn	2.168.017.420	2.197.057.212
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.072.466.004	19.959.277.495
Thuế TNDN phải nộp tại CHDCND Lào (*)	6.423.733.983	2.981.942.583
Quỹ cơ quan	1.040.417.873	1.008.609.480
Quỹ đồng nghiệp	2.213.025.951	2.098.225.951
Các khoản phải trả khác	3.030.911.466	3.012.899.892
Cộng	32.362.345.780	32.406.447.051

(*) Công ty phải nộp thuế TNDN năm 2023 tại nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào với thuế suất 3% tính trên doanh thu tại công trình Thủy điện Nậm Emoun và công trình Thủy điện Nam Phak phát sinh tại Lào.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17. Vay và nợ thuê tài chính****17a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	329.076.253.943	294.337.389.403
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 1 ⁽ⁱ⁾	181.334.053.846	151.950.551.936
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành ⁽ⁱⁱ⁾	101.128.651.799	83.909.773.490
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương ⁽ⁱⁱⁱ⁾	21.999.857.095	49.525.983.846
Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Chi nhánh Hà Nội ^(iv)	24.613.691.203	8.951.080.131
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.17b)	17.058.954.104	17.110.068.728
Cộng	346.135.208.047	311.447.458.131

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1 với hạn mức tín dụng thường xuyên tối đa là 2.300 tỷ VND trong đó hạn mức cho Dự án Nam Phak là 1.500 tỷ VND vay ngắn hạn, bảo lãnh thanh toán không vượt quá 950 tỷ VND; mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn vay/thời hạn bảo lãnh/ thời hạn L/C, lãi suất khoảng từ 8%/năm trong 8 tháng.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành, hạn mức tín dụng tối đa là 220 tỷ VND mục đích bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thi công xây lắp, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng, thời hạn vay của từng khoản nợ được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 6 tháng với lãi suất vay USD là 5,5%/năm và vay VND là 8%/năm trong 6 tháng.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Dương, hạn mức tín dụng tối đa là 60 tỷ VND mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa là 8 tháng kể từ ngày tiếp theo của giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất 7,5% trong vòng 8 tháng.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh Hà Nội, hạn mức tín dụng tối đa là 250 tỷ VND mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn cho vay mỗi khoản nợ tối đa là 6 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay và được ghi trên từng giấy nhận nợ, lãi suất cho vay theo từng giấy nhận nợ.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	294.337.389.403	17.110.068.728	311.447.458.131
Số tiền vay phát sinh trong kỳ	596.792.418.198	-	596.792.418.198
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	8.624.843.942	8.624.843.942
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(562.081.199.794)	(8.675.958.566)	(570.757.158.360)
Đánh giá lại CLTG cuối kỳ	27.646.136	-	27.646.136
Số cuối kỳ	329.076.253.943	17.058.954.104	346.135.208.047

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**17b. Nợ thuê tài chính dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	11.324.101.567	12.982.195.844
Công ty cho thuê tài chính TNHH BIDV SuMi Trust – Chi nhánh Hà Nội	5.994.304.653	11.549.962.336
Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng Sài Gòn thương tín - Chi nhánh Hà Nội	212.990.459	577.264.259
Cộng	<u>17.531.396.679</u>	<u>25.109.422.439</u>

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối kỳ			
Tiền gốc phải trả	17.058.954.104	17.531.396.679	34.590.350.783
Lãi thuê phải trả	2.415.565.625	1.833.686.499	4.249.252.124
Nợ thuê tài chính phải trả	<u>19.474.519.729</u>	<u>19.365.083.178</u>	<u>38.839.602.907</u>
Số đầu năm			
Tiền gốc phải trả	17.110.068.728	25.109.422.439	42.219.491.167
Lãi thuê phải trả	2.996.352.401	2.682.756.797	5.679.109.198
Nợ thuê tài chính phải trả	<u>20.106.421.129</u>	<u>27.792.179.236</u>	<u>47.898.600.365</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản nợ thuê tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	25.109.422.439	14.946.632.163
Số tiền vay phát sinh	1.336.363.636	-
Số tiền vay đã trả	(289.545.454)	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(8.624.843.942)	(4.992.330.751)
Số cuối kỳ	<u>17.531.396.679</u>	<u>9.954.301.412</u>

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	897.381.938	4.290.562.517	5.187.944.455
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	551.643.656	1.287.168.530	1.838.812.186
Chi quỹ trong kỳ	(460.000.000)	(324.650.000)	(784.650.000)
Số cuối kỳ	<u>989.025.594</u>	<u>5.253.081.047</u>	<u>6.242.106.641</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

<i>Kỳ trước</i>	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	259.998.480.000	43.131.990.000	143.060.589.849	10.595.454.177	21.565.159.188	478.351.673.214
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	13.050.960.216	13.050.960.216
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(2.065.273.188)	(2.065.273.188)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(19.499.886.000)	(19.499.886.000)
Số dư cuối kỳ trước	259.998.480.000	43.131.990.000	143.060.589.849	10.595.454.177	13.050.960.216	469.837.474.242
<i>Kỳ này</i>						
Số dư đầu năm nay	259.998.480.000	43.131.990.000	143.060.589.849	10.595.454.177	17.438.720.986	474.225.235.012
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	11.596.440.794	11.596.440.794
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(1.838.812.186)	(1.838.812.186)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	-	(15.599.908.800)	(15.599.908.800)
Số dư cuối kỳ này	259.998.480.000	43.131.990.000	143.060.589.849	10.595.454.177	11.596.440.794	468.382.954.820

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	166.816.800.000	166.816.800.000
Cổ đông khác	93.181.680.000	93.181.680.000
Cộng	259.998.480.000	259.998.480.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	25.999.848	25.999.848
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	25.999.848	25.999.848
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	25.999.848	25.999.848

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ.

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2023/NQ-SĐ5-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 6 năm 2023 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông (6% vốn điều lệ)	: 15.599.908.800
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 1.838.812.186

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	944.319,57	174.836,77
Kips Lao (LAK)	1.335.247.316	31.946.332.564
Bath Thai (BTH)	61.863.442,64	179.083.525

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm	20.343.445.429	6.043.713.494
Doanh thu bán vật tư, cung cấp dịch vụ	131.138.285.779	96.794.402.060
Doanh thu hợp đồng xây dựng	972.454.712.700	654.374.823.270
Cộng	<u>1.123.936.443.908</u>	<u>757.212.938.824</u>

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	216.781.581	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	191.457.845	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	45.125.871.734	13.730.620.205
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	110.337.572	-
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	2.857.500	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn thành phẩm đã bán	20.343.445.429	6.043.713.494
Giá vốn của vật tư, dịch vụ đã cung cấp	122.949.192.802	92.720.784.716
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	934.353.248.985	610.315.477.347
Cộng	1.077.645.887.216	709.079.975.557

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	22.210.561	64.694.071
Lãi tiền cho vay	156.155.133	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	49.479.117.143	11.445.093.349
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	902.157.193
Cộng	49.657.482.837	12.411.944.613

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	13.870.148.059	14.071.740.665
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	50.667.276.880	14.972.865.814
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	363.205.663	-
Cộng	64.900.630.602	29.044.606.479

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.996.019.281	10.518.050.036
Chi phí vật liệu quản lý	200.903.047	237.068.755
Chi phí đồ dùng văn phòng	429.941.019	1.053.372.543
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.499.998	108.333
Thuế, phí và lệ phí	21.642.000	24.638.181
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(727.608.321)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.881.516.654	3.786.229.553
Các chi phí khác	1.210.259.251	622.821.066
Cộng	15.019.172.929	16.242.288.467

6. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi do thanh lý tài sản cố định	-	2.121.503.704
Thu từ thanh lý vật tư, dụng cụ	160.112.728	197.631.818
Phạt vi phạm hợp đồng	59.338.000	-
Các khoản thu nhập khác	79.355.693	361.566.067
Cộng	298.806.421	2.680.701.589

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

7. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thanh lý vật tư, CCDC	4.328.805	18.466.755
Chi phí hỗ trợ, ủng hộ	30.000.000	-
Các khoản phạt thuế, phạt vi phạm hành chính, vi phạm hợp đồng, chậm nộp	-	202.038.748
Chi phí khác kỳ doanh thu các công trình	-	370.661.322
Chi phí khác	3.670	1.385.011
Cộng	34.332.475	592.551.836

8. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11.596.440.794	13.050.960.216
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	11.596.440.794	13.050.960.216
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	25.999.848	25.999.848
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	446	502

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	166.820.264.790	164.434.851.855
Chi phí nhân công	85.359.978.145	84.900.216.843
Chi phí khấu hao tài sản cố định	14.988.728.144	15.570.042.972
Chi phí dịch vụ mua ngoài	882.027.929.173	136.820.562.208
<i>Trong đó: Thuê thầu phụ thi công</i>	<i>672.497.809.631</i>	<i>506.280.069.041</i>
Chi phí khác	11.631.184.139	14.693.183.635
Cộng	1.160.828.084.391	922.698.926.554

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh V16.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		<u>Tiền lương</u>	<u>Thù lao</u>	<u>Cộng thu nhập</u>
Kỳ này				
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc				
Lê Văn Tuấn	Chủ tịch (từ ngày 28/06/2023)	-	-	-
Trần Anh Đức	Chủ tịch (đến ngày 28/06/2023)	-	72.000.000	72.000.000
Nguyễn Đắc Điệp	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	261.465.625	42.000.000	303.465.625
Nguyễn Ngọc Đông	Thành viên kiêm P.Tổng Giám đốc	207.589.063	42.000.000	249.589.063
Nguyễn Đại Thụ	Thành viên độc lập	-	42.000.000	42.000.000
Vũ Đức Quang	Thành viên	-	42.000.000	42.000.000
Nguyễn Mạnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	191.349.219	-	191.349.219
Ban Kiểm soát				
Phạm Quang Tuấn	Trưởng ban	161.218.750	-	161.218.750
Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	-	30.000.000	30.000.000
Trần Quang Hưng	Thành viên	-	30.000.000	30.000.000
Kế toán trưởng				
Nguyễn Trọng Thủy	Kế toán trưởng	183.438.835	-	183.438.835
Cộng		1.005.061.491	300.000.000	1.305.061.491

Kỳ trước

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Trần Anh Đức	Chủ tịch	-	72.000.000	72.000.000
Nguyễn Đắc Điệp	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	260.795.455	42.000.000	302.795.455
Nguyễn Ngọc Đông	Thành viên kiêm P.Tổng Giám đốc	208.636.364	42.000.000	250.636.364
Nguyễn Đại Thụ	Thành viên độc lập	-	42.000.000	42.000.000
Vũ Đức Quang	Thành viên	-	42.000.000	42.000.000
Nguyễn Mạnh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	191.250.000	-	191.250.000

Ban Kiểm soát

Phạm Quang Tuấn	Trưởng ban	165.170.455	-	165.170.455
Nguyễn Hồng Vân	Thành viên	-	30.000.000	30.000.000
Trần Quang Hưng	Thành viên	-	30.000.000	30.000.000

Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thủy	Kế toán trưởng	183.281.250	-	183.281.250
Cộng		1.009.133.524	300.000.000	1.309.133.524

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Các công ty con và công ty liên kết của Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng công ty Sông Đà - CTCP		
Cổ tức công bố	10.009.008.000	12.511.260.000
Thuê dịch vụ	565.579.586	556.488.677
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà		
Giá trị xây lắp hoàn thành và nhận cung cấp vật tư, dịch vụ khác	9.325.245.516	368.181.818
Công ty Cổ phần Sông Đà 4		
Giá trị xây lắp hoàn thành và nhận cung cấp vật tư, dịch vụ khác	3.293.529.346	3.479.638.074
Công ty Cổ phần Sông Đà 6		
Nhận cung cấp vật tư, cung cấp dịch vụ khác	1.064.356.914	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10		
Giá trị xây lắp hoàn thành và nhận cung cấp vật tư, dịch vụ khác	93.026.594.393	53.991.853.179
Cho vay	4.054.000.000	-
Lãi cho vay	156.155.133	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2a, V.3, V.4, V.11 và V.16.

2. Thông tin về bộ phận

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty chủ yếu hoạt động kinh doanh xây dựng công nghiệp.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở khu vực trong nước và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	Nước ngoài		
	Trong nước	(tại Lào)	Cộng
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	502.673.505.047	621.262.938.861	1.123.936.443.908
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	502.673.505.047	621.262.938.861	1.123.936.443.908
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	19.916.848.772	26.373.707.920	46.290.556.692
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(15.019.172.929)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			31.271.383.763
Doanh thu hoạt động tài chính	184.940.967	49.472.541.870	49.657.482.837
Chi phí tài chính	(13.880.350.724)	(51.020.279.878)	(64.900.630.602)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Trong nước	Nước ngoài (tại Lào)	Cộng
Thu nhập khác			298.806.421
Chi phí khác			(34.332.475)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.696.269.150)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			11.596.440.794
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	826.468.129	1.263.786.909	2.090.255.038
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	3.714.320.688	11.274.407.456	14.988.728.144
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	362.886.609.715	394.326.329.109	757.212.938.824
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	362.886.609.715	394.326.329.109	757.212.938.824
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	25.781.202.524	22.351.760.743	48.132.963.267
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(16.242.288.467)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			31.890.674.800
Doanh thu hoạt động tài chính			12.411.944.613
Chi phí tài chính			(29.044.606.479)
Thu nhập khác			2.680.701.589
Chi phí khác			(592.551.836)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(4.295.202.471)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			13.050.960.216
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.181.087.818	249.000.000	1.430.087.818
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	11.476.187.380	9.565.915.093	21.042.102.473

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản của Công ty như sau:

	Trong nước	Nước ngoài (tại Lào)	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	576.327.452.300	400.359.821.030	976.687.273.330
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			839.122.233.924
Tổng tài sản			1.815.809.507.254
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	199.912.192.451	324.171.113.701	524.083.306.152
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			823.343.246.282
Tổng nợ phải trả			1.347.426.552.434
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	730.001.780.599	200.704.126.935	930.705.907.534
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	831.829.819.886
Tổng tài sản			1.762.535.727.420
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	251.519.426.863	141.284.556.793	392.803.983.656
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			895.506.508.752
Tổng nợ phải trả			1.288.310.492.408

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 5

Địa chỉ: Tầng 5, tháp B, tòa nhà HH4, KĐT Sông Đà Mỹ Đình, P. Mỹ Đình 1, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà N

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ngày 08 tháng 5 năm 2023, Công ty đã nhận được Quyết định số 30781/QĐ-CTHN-TTKT7 của Cục thuế thành phố Hà Nội về việc Thanh tra thuế thời kỳ năm 2022 tại Công ty. Đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty chưa nhận được Kết luận thanh tra của Cơ quan Thuế.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 14 tháng 8 năm 2023

Người lập biểu

Trần Bích Sen

Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Thủy

Tổng Giám đốc



Nguyễn Đắc Điệp

